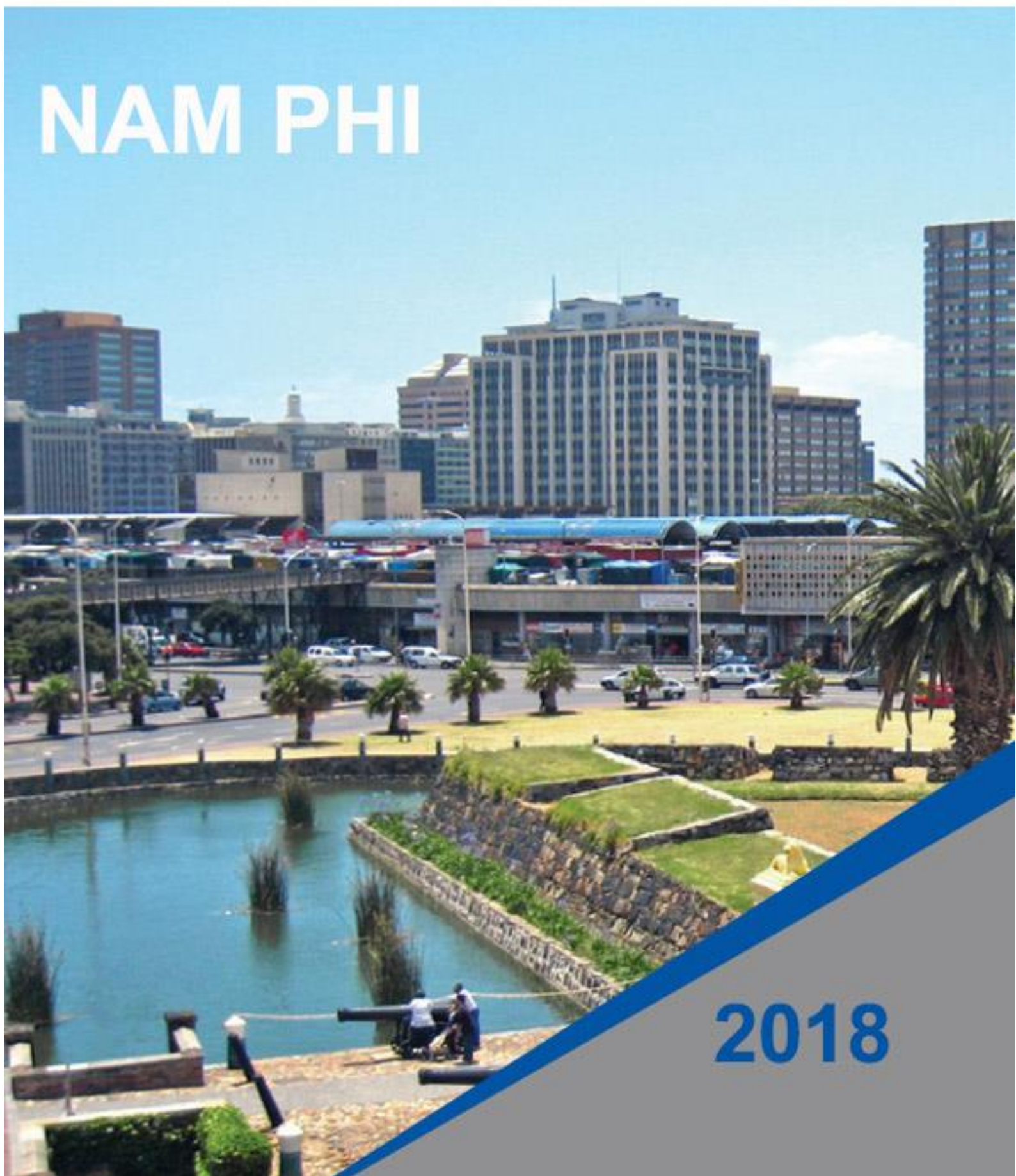


# NAM PHI



2018

# THỊ TRƯỜNG NAM PHI

## I. TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NAM PHI

### XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NAM PHI TRONG 10 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Đơn vị: tỷ USD

	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng kim ngạch	Thặng dư
Tháng 1	6,60	8,86	15,46	-2,27
Tháng 2	7,66	7,62	15,29	0,04
Tháng 3	8,29	7,49	15,79	0,80
Tháng 4	7,30	7,21	14,51	0,09
Tháng 5	8,18	7,90	16,08	0,28
Tháng 6	8,29	7,39	15,68	0,90
Tháng 7	7,99	8,34	16,33	-0,35
Tháng 8	8,30	7,68	15,98	0,62
Tháng 9	7,70	7,90	15,60	-0,20
Tháng 10	8,44	8,82	17,26	-0,38

Nguồn: tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế  
XUẤT NHẬP KHẨU 5 NĂM QUA CỦA NAM PHI

Đơn vị: tỷ USD

	QIII/năm 2014	QIII/năm 2015	QIII/năm 2016	QIII/năm 2017	QIII/năm 2018
Xuất khẩu	23,42	21,04	20,26	22,62	23,99
Nhập khẩu	25,96	22,00	20,04	21,19	23,91
Tổng kim ngạch	49,38	43,05	40,30	43,81	47,90
Thặng dư	-2,54	-0,96	0,22	1,44	0,08
Tăng trưởng xuất khẩu (%)		-10,16	-3,72	11,67	6,04
Tăng trưởng nhập khẩu (%)		-15,24	-8,91	5,71	12,86

Nguồn: tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

## ĐỐI TÁC NHẬP KHẨU TỪ NAM PHI

Đơn vị: tỷ USD

STT	Nước nhập khẩu	Giá trị nhập khẩu 2017 (tỷ USD)	Thị phần (%)
1	Trung Quốc	8,67	9,82
2	Hoa Kỳ	6,62	7,50
3	Đức	5,81	6,58
4	Area Nes	5,47	6,19
5	Nhật Bản	4,16	4,72
6	Ấn Độ	4,14	4,69
7	Botswana	3,84	4,35
8	Namibia	3,57	4,04
9	Anh	3,47	3,94
10	Mozambique	2,89	3,28

*Nguồn: tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế*

## ĐỐI TÁC XUẤT KHẨU SANG NAM PHI

Đơn vị: tỷ USD

STT	Nước xuất khẩu	Giá trị xuất khẩu 2017 (tỷ USD)	Thị phần (%)
1	Hoa Kỳ	15,22	18,34
2	Đức	9,56	11,51
3	Hoa Kỳ	5,49	6,61
4	Ấn Độ	3,91	4,71
5	Saudi Arabia	3,84	4,63
6	Nhật Bản	2,83	3,40
7	Anh	2,49	3,00
8	Thái Lan	2,48	2,99
9	Italy	2,22	2,67
10	Pháp	2,09	2,52

*Nguồn: tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế*

**CÁC MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CHÍNH CỦA NAM PHI**

*Đơn vị: triệu USD*

<b>Mã HS</b>	<b>Mô tả hàng hóa</b>	<b>Kim ngạch QII/2018)</b>	<b>Tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2017 (%)</b>
851762	Máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, kể cả thiết bị chuyển mạch và thiết bị định tuyến	406,16	72,82
300490	Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được đóng gói theo liều lượng (kể cả các sản phẩm thuộc loại dùng để hấp thụ qua da) hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ loại khác	357,42	6,87
851712	Điện thoại dùng cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác	336,21	-1,64
870322	Xe khác, loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện, loại dung tích xi lanh trên 1.000 cc nhưng không quá 1.500 cc	292,54	13,74
490700	Tem bưu chính, tem thuế hoặc các loại tem tương tự chưa sử dụng	270,38	66.331,45
870323	Xe khác, loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện, dung tích xi lanh trên 1.500 cc nhưng không quá 3.000 cc	268,41	1,35
711890	Tiền bằng vàng, được coi là tiền tệ chính thức hoặc không chính thức	251,57	11.716,35
847130	Máy xử lý dữ liệu tự động loại xách tay, có trọng lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình	196,05	4,52
281820	Oxit nhôm, trừ corundum nhân tạo	182,81	87,35
870321	Ô tô và các loại xe khác có động cơ được thiết kế chủ yếu để chở người (trừ các loại thuộc nhóm 87.02), kể cả xe chở người có khoang hành lý chung (station wagons) và ô tô đưa dung tích xi lanh không quá 1.000cc	173,66	79,30

<b>Mã HS</b>	<b>Mô tả hàng hóa</b>	<b>Kim ngạch QII/2018)</b>	<b>Tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2017 (%)</b>
870332	Xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác được thiết kế chủ yếu để vận chuyển người, ...	165,41	-0,34
100199	Lúa mì và meslin (không bao gồm hạt giống để gieo hạt và lúa mì cứng)	125,70	-25,39
847150	Bộ xử lý dùng cho máy tính cá nhân (kể cả loại máy xách tay)	113,04	37,17
844399	Các bộ phận và phụ kiện khác của máy in, máy sao chép và máy fax	111,81	15,68
020714	Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được, đã chặt mảnh và phụ phẩm sau giết mổ, đông lạnh	108,45	48,58
710231	Kim cương phi công nghiệp không được gia công hoặc đơn giản là xẻ, cắt hoặc nghiền (không bao gồm kim cương công nghiệp)	104,91	31,17
870421	Loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel), khối lượng toàn bộ theo thiết kế (1,3) không quá 5 tấn	103,24	-5,74
843149	Các bộ phận khác của máy móc thuộc nhóm 8426, 8429 và 8430	98,28	9,13
330210	Các chế phẩm, hỗn hợp dung dịch dùng trong công nghiệp thực phẩm hoặc đồ uống	95,15	-22,62
870829	Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin)	95,11	20,24
640299	Giày, dép và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên, loại khác	94,40	8,91
100630	Gạo nửa xay hoặc xay nhuyễn, có hoặc không được đánh bóng hoặc hồ ((glazed))	93,47	-25,54
901890	Dụng cụ và thiết bị khác, được sử dụng trong khoa học y tế, phẫu thuật hoặc thú y	90,74	4,51
870333	Xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác được thiết kế chủ yếu để vận chuyển người, loại dung tích xi lanh trên 2.500 cc	88,11	-10,81
310210	Urê, có hoặc không ở trong dung dịch nước	85,70	37,57

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch QII/2018)	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2017 (%)
851770	Các bộ phận của bộ điện thoại, điện thoại cho mạng di động hoặc cho các mạng không dây khác, bộ phận và phụ tùng của các loại máy trên	85,48	9,16
850440	Máy biến đổi tĩnh điện	82,87	9,26
847989	Máy móc và thiết bị cơ khí, loại khác	80,40	113,65
151190	Dầu cọ và các phần phân đoạn của nó, đã hoặc chưa tinh chế (không bao gồm biến đổi hóa học và thô)	77,98	-7,61
870899	Các bộ phận và phụ kiện, cho máy kéo, xe cơ giới để vận chuyển từ mười người trở lên, ...	77,67	6,34

*Nguồn: tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế*

## II. QUAN HỆ VỚI VIỆT NAM

### XUẤT NHẬP KHẨU GIỮA VIỆT NAM VÀ NAM PHI TRONG 10 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

*Đơn vị: triệu USD*

	Xuất khẩu sang Việt Nam	Nhập khẩu từ Việt Nam	Tổng kim ngạch	Thặng dư
Tháng 1	9,97	95,98	105,96	-86,01
Tháng 2	11,90	77,39	89,28	-65,49
Tháng 3	9,57	101,44	111,01	-91,87
Tháng 4	7,51	74,54	82,04	-67,03
Tháng 5	40,01	75,21	115,21	-35,20
Tháng 6	65,83	69,40	135,23	-3,57
Tháng 7	55,13	64,93	120,06	-9,80
Tháng 8	36,62	83,62	120,24	-47,00
Tháng 9	21,15	89,03	110,18	-67,88
Tháng 10	31,39	73,66	105,05	-42,27

*Nguồn: tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế*

## XU HƯỚNG XUẤT NHẬP KHẨU TRONG VÒNG 5 NĂM QUA

*Đơn vị: triệu USD*

	QIII/năm 2014	QIII/năm 2015	QIII/năm 2016	QIII/năm 2017	QIII/năm 2018
Xuất khẩu sang Việt Nam	62,19	53,92	70,88	94,05	112,90
Nhập khẩu từ Việt Nam	306,76	335,72	265,52	275,82	237,58
Tổng kim ngạch	368,95	389,64	336,40	369,87	350,48
Thặng dư	-244,57	-281,81	-194,63	-181,77	-124,69
Tăng trưởng xuất khẩu		-13,31	31,47	32,68	20,04
Tăng trưởng nhập khẩu		9,44	-20,91	3,88	-13,86

*Nguồn: tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế*

## MỘT SỐ MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CHÍNH TỪ VIỆT NAM

*Đơn vị: triệu USD*

<b>Mã HS</b>	<b>Mô tả hàng hóa</b>	<b>Kim ngạch QIII/2018</b>	<b>Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)</b>
851762	Máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, kể cả thiết bị chuyên mạch và thiết bị định tuyến	72,61	3709,76
852990	Các bộ phận phù hợp để sử dụng duy nhất hoặc chủ yếu với thiết bị truyền và nhận cho ...	22,62	58,15
640411	Giày, dép thể thao, giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày luyện tập và các loại tương tự	14,83	-0,88
640399	Giày có đế ngoài bằng cao su, nhựa hoặc da tổng hợp, có mũ bằng da ...	8,57	30,94
640299	Giày có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc nhựa (không bao gồm mắt cá chân hoặc ...	6,86	6,58
844331	Máy thực hiện hai hoặc nhiều chức năng in, sao chép hoặc truyền fax, ...	6,73	63,04

<b>Mã HS</b>	<b>Mô tả hàng hóa</b>	<b>Kim ngạch QIII/2018</b>	<b>Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)</b>
847050	Máy tính tiền kết hợp thiết bị tính toán	6,46	69,45
'851712	Điện thoại cho mạng di động "điện thoại di động" hoặc cho các mạng không dây khác	5,72	-96,03
090111	Cà phê (không bao gồm rang và khử caffein)	5,64	170,80
847130	Máy xử lý dữ liệu tự động loại xách tay, có trọng lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình	4,96	-6,80
640419	Giày có đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa và mũ giày bằng vật liệu dệt (không bao gồm ...	4,71	-32,85
640391	Giày có đế ngoài bằng cao su, nhựa hoặc da tổng hợp, có mũ bằng da, ...	2,99	29,14
'844399	Các bộ phận và phụ kiện của máy in, máy sao chép và máy fax, n.e.s. (không bao gồm ...	2,87	65,04
'854231	Mạch tích hợp điện tử như bộ xử lý và bộ điều khiển, có hoặc không kết hợp với ...	2,48	-36,15
'940360	Đồ nội thất bằng gỗ (không bao gồm văn phòng, nhà bếp và phòng ngủ, và ghế ngồi)	1,86	52,84
'080132	Hạt điều tươi hoặc khô, bóc vỏ	1,83	-10,32
'420292	Túi du lịch, túi thực phẩm hoặc đồ uống cách nhiệt, túi vệ sinh, ba lô, túi mua sắm, hộp đựng bản đồ, ...	1,62	100,49
'090411	Hạt tiêu thuộc chi Piper, không bị nghiền nát cũng không nghiền	1,35	-46,90
850720	Ắc qui axit - chì khác	1,32	26,02
280470	Phốt pho	1,24	87,41
'910212	Đồng hồ đeo tay, có hoặc không kết hợp thiết bị bấm giờ, hoạt động bằng điện, với ...	1,13	5027,27
540720	Vải dệt thoi từ dải hoặc dạng tương tự	1,12	40,15

<b>Mã HS</b>	<b>Mô tả hàng hóa</b>	<b>Kim ngạch QIII/2018</b>	<b>Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)</b>
630790	Sản phẩm làm sẵn của vật liệu dệt, bao gồm mẫu váy và các loại tương tự	1,05	18,89
'950300	Xe ba bánh, xe tay ga, xe đạp và đồ chơi có bánh xe tương tự; xe ngựa của búp bê; búp bê; đồ chơi khác; ...	1,04	41,46
'940350	Nội thất gỗ cho phòng ngủ (không bao gồm ghế ngồi)	0,99	107,10
851829	Loa, không có vỏ	0,97	5,08
'844332	Máy chỉ thực hiện một trong các chức năng in, sao chép hoặc truyền fax, ...	0,90	-36,41
'080111	Dừa nạo	0,85	13,20
'901890	Dụng cụ và thiết bị khác được sử dụng trong khoa học y tế, phẫu thuật hoặc thú y	0,79	291,54

*Nguồn: tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế*

### **III. Xuất khẩu nông sản sang Nam Phi**

#### **1. Số liệu xuất khẩu một số mặt hàng nông sản của Việt Nam sang Nam Phi**

Nam Phi là một trong những thị trường tiêu thụ hàng hóa giàu tiềm năng của Việt Nam ở Châu Phi. Kim ngạch thương mại giữa hai nước tuy chưa cao nhưng năm sau luôn cao hơn năm trước, riêng về xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam vào Nam Phi nói riêng và Châu Phi nói chung hiện còn hạn chế nhưng theo đánh giá của nhiều chuyên gia Việt Nam cho biết đây là thị trường tiềm năng, có thể khai thác để mở rộng phát triển.

Theo Hải quan Việt Nam, 10 tháng đầu năm 2018, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông sản của Việt Nam (gồm hạt điều, cà phê, hạt tiêu, gạo, bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc) sang Nam Phi đạt 33,31 triệu USD, tăng 21,13% so với cùng kỳ năm 2017. Riêng tháng 10 năm 2018, kim ngạch giảm so với cùng kỳ do nhiều mặt hàng nông sản của Việt Nam có kim ngạch xuất khẩu giảm tại thị trường Nam Phi.

**Số liệu kim ngạch xuất khẩu mặt hàng nông sản Việt Nam sang Nam Phi  
tháng 10 năm 2018 và 10 tháng năm 2018**

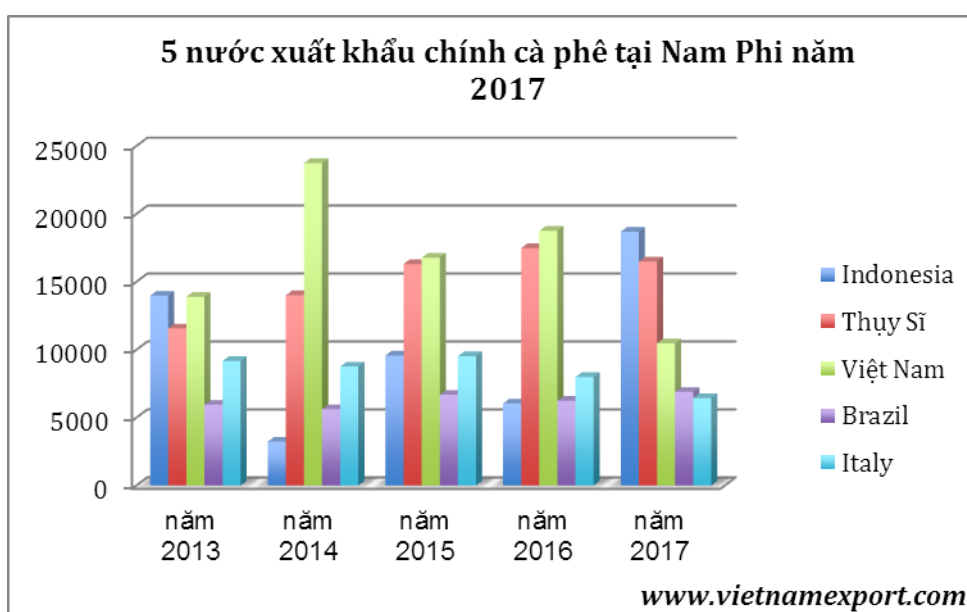
Mặt hàng	Tháng 10/2018		10 tháng/2018	
	Lượng (Tấn)	Giá trị (nghìn USD)	Lượng (Tấn)	Giá trị (triệu USD)
Hạt điều	63	512,49	818	7,82
Cà phê	173	276,76	8.713	15,01
Hạt tiêu	292	849,78	2.357	8,51
Gạo	703	373,54	3.478	1,9
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc		264,47		3,08

*(Tính toán theo số liệu của Hải quan Việt Nam)*

### Cà phê

Cà phê là mặt hàng có kim ngạch cao nhất trong nhóm hàng nông sản sang Nam Phi, và cũng là mặt hàng có sự tăng trưởng vượt bậc về lượng và giá trị 10 tháng năm 2018.

Theo số liệu của ITC, Việt Nam là nhà cung ứng lớn thứ 3 mặt hàng cà phê tại Nam Phi, sau Indonesia và Thụy Sĩ. Năm 2017, kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Nam Phi đạt 10,46 triệu USD, chiếm 11,4% thị phần.

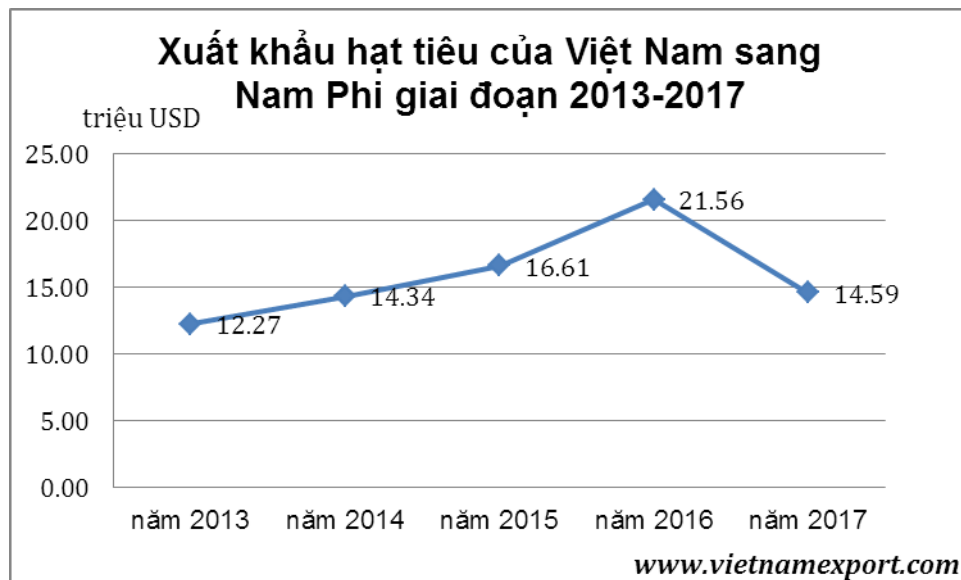


Theo số liệu của Hải quan Việt Nam, tháng 10 năm 2018, Việt Nam xuất khẩu 173 tấn cà phê, ứng với 276,76 nghìn USD, tổng kim ngạch mặt hàng này về lượng là 8,71 nghìn tấn, ứng với 15,02 triệu USD, tăng 4 lần về lượng và 3 lần về giá trị so với 10 tháng năm 2017.

### Hạt tiêu

Châu Phi với lượng dân lớn thuộc đạo Hồi, dùng nhiều gia vị gồm có hạt tiêu trong các bữa ăn, nhất là trong tháng Ramadan và xu hướng này ngày càng tăng. Việt Nam là nước xuất khẩu hạt tiêu hàng đầu thế giới tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu sang Châu Phi còn rất khiêm tốn, về kim ngạch Nam Phi là một trong những nước lớn nhập khẩu hạt tiêu Việt Nam trong khu vực Châu Phi.

Từ năm 2013 đến nay, kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang Nam Phi tăng trưởng đều các năm, trừ năm 2017 là kim ngạch giảm, nhưng giữ tăng trưởng dương cả giai đoạn là 6,04%/ năm. Năm 2017, kim ngạch giảm 32,32%, ứng với kim ngạch 14,59 triệu USD. Tháng 10 năm 2018, Việt Nam xuất khẩu 292 tấn hạt tiêu sang Nam Phi, ứng với 849,77 nghìn USD, nâng tổng lượng hạt tiêu 10 tháng là 2,36 nghìn tấn, ứng với 8,51 triệu USD, tăng 2,97% về lượng nhưng giảm 35,20% về giá trị.



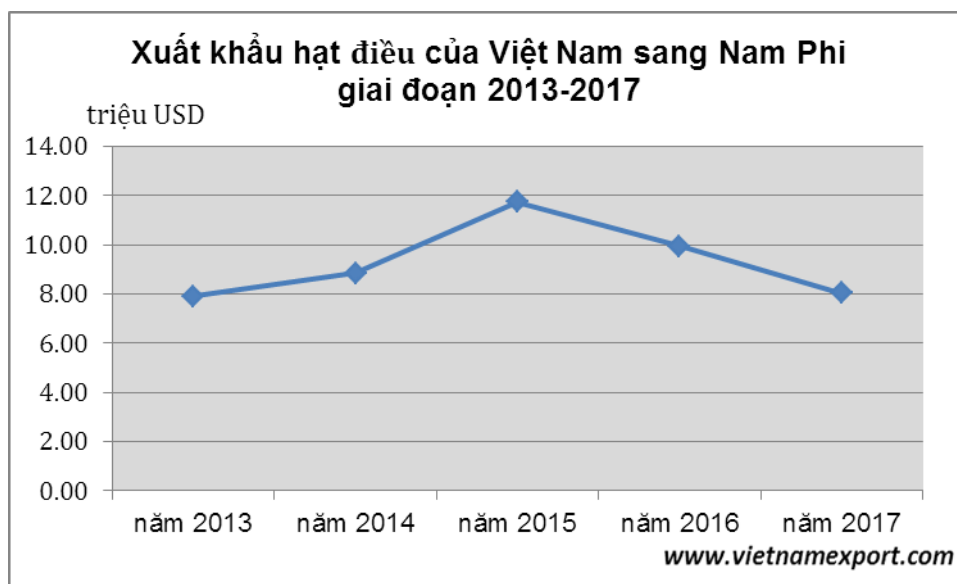
### Hạt điều

Trong khu vực Châu Phi, Nam Phi là một trong ba nước nhập khẩu hạt điều lớn nhất của Việt Nam để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

Trong giai đoạn 2013-2017, sản lượng điều và giá trị xuất khẩu cao nhất năm 2016 với 1,62 nghìn tấn và 11,75 triệu USD, thấp nhất là năm 2017 với 827 tấn

và 8,03 triệu USD, tuy nhiên đây năm giá trị bình quân cao nhất 9712,78 USD/tấn, cho thấy mặt hàng điều đang được thu mua tại Nam Phi giá cao hơn.

Tháng 10 năm 2018, Việt Nam xuất khẩu 63 tấn điều sang Nam Phi, ứng với giá trị 512,48 nghìn USD, giảm 21,25% về lượng và giảm 35,33% về giá trị; tổng lượng hạt điều xuất khẩu trong 10 tháng đầu năm là 746 tấn, ứng với 7,22 triệu USD, tăng 9,65% về lượng và tăng 8,34% về giá trị.



## 2. Khó khăn khi xuất khẩu nông sản vào Nam Phi

Nam Phi tuy là một thị trường dễ tính đối với hàng hóa Việt Nam, so với các thị trường khó tính như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc nhưng những rào cản thương mại và phi thương mại của nước này, cũng như sự thiếu hụt về thông tin thị trường, hình thức thanh toán giữa doanh nghiệp Việt Nam- Nam Phi là những khó khăn không nhỏ khiến kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước thấp, thậm chí sụt giảm.

Cụ thể là quy trình nhập khẩu phức tạp, hàng rào thuế quan, các tiêu chuẩn kỹ thuật, định giá hải quan hóa đơn hàng hóa, giấy phép nhập khẩu, các biện pháp chống bán phá giá, các quy định quá chặt chẽ, tình trạng mất cắp hàng hóa, ùn tắc tại cảng,...

Việc nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam vào Nam Phi chủ yếu vẫn chịu sự cạnh tranh về thuế so với các nước đã ký Hiệp định thương mại tự do với Nam Phi.

Bên cạnh đó là những khó khăn trong việc tiếp cận thông tin, xử lý các quy trình, thủ tục nhập khẩu vào Nam Phi. Những rủi ro do tình trạng an ninh cảng, phiền nhiễu từ nạn tham nhũng tại Nam Phi cũng là những khó khăn mà doanh

ngành Việt Nam gặp phải khi xuất khẩu hàng hóa nói chung, nông sản nói riêng vào Nam Phi.

Nam Phi có quy trình nhập khẩu tương đối phức tạp. Nhà nhập khẩu Nam Phi phải đăng ký tại Hải quan Nam Phi và lấy mã số nhập khẩu từ SARS. Điều này ảnh hưởng đến nhiều nhà nhập khẩu, gây ra chậm trễ trong việc thông quan hàng hóa. Thông thường, các mặt hàng xuất nhập khẩu sẽ do Bộ Công Thương Nam Phi quản lý. Việc nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thực phẩm vào Nam Phi còn chịu sự quản lý của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp nước này.

Việc thường xuyên sửa đổi bổ sung về chính sách, những yêu cầu về hàng hóa cần được đảm bảo khi được bán tại thị trường Nam Phi, việc đưa ra những từ ngữ chưa rõ ràng và chậm trễ trong việc cấp giấy thẩm định chất lượng một số sản phẩm cũng là một trong những yếu tố gây khó khăn cho một số loại hàng hóa nhập khẩu vào Nam Phi. Như năm 2012, Bộ Y Tế Nam Phi đã thực thi quy định ghi nhãn cho hàng thực phẩm, hạn chế việc sử dụng một số từ ngữ trên bao bì, nhãn mác sản phẩm. Năm 2014, Bộ Y tế lại đưa ra dự thảo thay đổi về yêu cầu ghi nhãn mác khiến cho nhiều nhãn hàng nhập khẩu vào Nam Phi lo ngại về việc đổi thay đổi về nhãn hiệu hiện có để tiếp tục bán sản phẩm của họ vào Nam Phi. Tuy nhiên, Bộ Y tế Nam Phi đã không triển khai các thay đổi như trong dự thảo năm 2014.

Về an toàn vệ sinh thực phẩm, việc kiểm định chặt chẽ được tiến hành đối với 100% các lô hàng là thực phẩm, thực phẩm đóng hộp khi cập cảng Nam Phi. Điều này gây khó khăn cho một số lô hàng về việc bố trí kho bãi để trữ hàng, thời gian kiểm định có thể kéo dài, ảnh hưởng đến hạn sử dụng của các lô hàng thực phẩm, thực phẩm đóng hộp.

Ngoài ra, khâu thanh toán cũng là một trong những rào cản mà doanh nghiệp Việt Nam gặp phải khi xuất khẩu sang thị trường này. Doanh nghiệp ở Nam Phi thường đề nghị thanh toán theo hình thức trả tiền bằng điện (TT) hoặc giao tiền sẽ giao chứng từ (D/P) trả chậm, giao thành tại cảng đến và không mở thư tín dụng (L/C).

### 3. Hội chợ triển lãm về nông sản tại Nam Phi

STT	Tên hội chợ	Lĩnh vực	Thời gian	Địa điểm	Website
1	Africa's food, drink & hospitality trade Expo	Thực phẩm và đồ uống	1/3 đến 3/3/2020	Sandton Convention Centre, Johannesburg	<a href="https://www.hostex.co.za/">https://www.hostex.co.za/</a>

STT	Tên hội chợ	Lĩnh vực	Thời gian	Địa điểm	Website
2	Propak Africa 2019	Chế biến thức ăn	12/3 đến 15/3/2019	Expo Centre Nasrec, Johannesburg	<a href="https://www.propakafrika.co.za/">https://www.propakafrika.co.za/</a>
3	Coffee & Chocolate Expo	Cà phê, socola	30/3 đến 31/3/2019	Puerto Rico	<a href="https://www.coffeeandchocolateexpo.com">https://www.coffeeandchocolateexpo.com</a>
4	Africa's Big 7	Thực phẩm và đồ uống	23/6 đến 25/6/2019	Gallagher Convention Centre, Johannesburg	<a href="https://www.africabig7.com/">https://www.africabig7.com/</a>
5	Food & drink technology Africa	Đóng gói, bao bì thực phẩm, đồ uống	9/7 đến 11/7/2019	Gallagher Convention Centre, Midrand	<a href="https://www.fdt-africa.com/">https://www.fdt-africa.com/</a>

## IV. MỘT SỐ ĐIỀU CẦN BIẾT KHI KINH DOANH VỚI NAM PHI

### 1. Các qui định về xuất nhập khẩu

#### Giấy phép nhập khẩu

Một số hàng hoá muốn vào Nam Phi phải có giấy phép nhập khẩu, ví dụ như thiết bị đã qua sử dụng, hàng hoá tiêu dùng (thực phẩm, quần áo, hàng dệt, giày dép, sách báo...), các sản phẩm gỗ, giấy các loại, nhiên liệu cho xe ô tô và hàng không, các sản phẩm hoá dầu, các sản phẩm công nghiệp khác và các loại nguyên vật liệu nhập khẩu như là các thiết bị vật tư để sản xuất xe ô tô.

#### Giấy chứng nhận xuất xứ

Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) hay ở Nam Phi gọi là D/O (Declaration of Origin) được lập theo mẫu Form DA-59, xác nhận nước xuất xứ của hàng hoá là bắt buộc phải có để có thể vận chuyển một số loại hàng hoá nhập khẩu vào Nam Phi như: các loại hàng phục vụ bàn ăn làm bằng thép không gỉ (stainless steel tableware), các loại đồ dùng nhà bếp, các đồ gia dụng, các loại cốc chén, bình đựng có đường kính không vượt quá 70mm; sắt và thép chưa mạ, bộ phận lọc khí ô tô xe máy, bộ phận lọc xăng, dầu ô tô xe máy, thiết bị thu sóng radio, điện thoại, thiết bị thu phát sóng Radio. Hải quan Nam Phi sẽ thông báo cho nhà nhập khẩu biết có cần phải làm Form DA-59 hay không và nhà nhập khẩu sẽ báo cho nhà xuất khẩu biết. Một khi Form này là cần thiết, nhà xuất khẩu hoặc nhà cung cấp hàng phải trình xuất ít nhất một bản gốc kèm theo với bản gốc hoá đơn hàng

(original commercial invoice). C/O không nhất thiết phải có xác nhận của Phòng Thương mại và Công nghiệp hoặc xác nhận của Hải quan.

Các chứng từ vận tải cần có khi chuyển hàng vào Nam Phi

Các giấy tờ, hoá đơn cơ bản cần có để vận chuyển hàng vào Nam Phi bao gồm:

- Bản gốc hóa đơn hàng (commercial invoice) ghi rõ giá hàng và lô hàng người nhập khẩu phải trả kèm với giá xuất cảng của hàng hoá và lô hàng (giá F.O.B. và giá C.I.F )
- Vận đơn (Bill of Lading)
- Chứng thư bảo hiểm (Insurance documents)
- Phiếu đóng hàng (Packing list). Có thể nhà nhập khẩu còn yêu cầu thêm một số giấy tờ, chứng từ đặc trưng khác, ít nhất là 3 bản sao hoá đơn hàng phải được gửi trước cho người được uỷ quyền nhận hàng trước khi hàng đến cảng nhập.

### **Các hàng cấm nhập và hạn chế nhập khẩu**

Hàng hóa nhập khẩu vào Nam Phi phải qua một hệ thống kiểm soát vô cùng chặt chẽ. Mục tiêu của việc quản lý này nhằm:

- Đảm bảo rằng hàng hóa đã qua sử dụng và hàng xách tay không làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới ngành công nghiệp và cơ hội việc làm của người dân nước này.
- Đảm bảo rằng những hàng hóa nhạy cảm được nhập khẩu trong điều kiện hợp lệ
- Đảm bảo hàng hóa phù hợp với những tiêu chuẩn về môi trường
- Giúp đỡ các cơ quan trong việc thực thi những qui định khác như vấn đề an toàn
- Đảm bảo phù hợp với các điều khoản của các hiệp định quốc tế.

Danh mục hàng cấm hoặc hạn chế nhập khẩu:

<http://www.sars.gov.za/ClientSegments/Customs->

[Excise/Travellers/Pages/Prohibited-and-Restricted-goods.aspx](http://www.sars.gov.za/ClientSegments/Customs-Excise/Travellers/Pages/Prohibited-and-Restricted-goods.aspx)

Chi tiết hướng dẫn, các quy định và form mẫu xem tại:

<http://www.itac.org.za/pages/services/import-control>

## **2. Qui định về thuế suất**

### **a. Thuế thu nhập**

Nguồn thu thuế trực tiếp chủ yếu của Nam Phi là thuế thu nhập. Các cá nhân bị đánh thuế lũy tiến có thể lên đến 40% trên phần thu nhập bị đánh thuế

nếu người đó có thu nhập vượt quá 552.001 rand mỗi năm. Một mức thuế thống nhất được áp dụng cho tất cả các cá nhân bất kể các điều kiện về giới, tình trạng hôn nhân và trẻ em cũng không là ngoại lệ. Thuế thu nhập đánh vào người không phải công dân Nam Phi thì dựa trên nguồn thu nhập. Điều đó có nghĩa tất cả những thu nhập phát sinh từ những nguồn được cho là tạo ra trên đất nước Nam Phi đều phải chịu thuế, bất kể quốc tịch của người có thu nhập. Các công ty trong nước phải chịu một mức thuế thu nhập cố định là 28%. Tuy nhiên, các chi nhánh và văn phòng đại diện của các công ty nước ngoài có công ty mẹ ở ngoài Nam Phi thì phải chịu mức thuế suất là 33%.

### **b. Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

Các chi nhánh của các công ty nước ngoài muốn bán hàng hay cung cấp dịch vụ cần phải đăng kí kinh doanh với cùng thuế quan và trả phí và thuế VAT. Tỷ lệ thuế VAT tiêu chuẩn là 14%. Các mặt hàng xuất khẩu, một số hàng thực phẩm, một số dịch vụ như tài chính, tiền thuê nhà ở, các dịch vụ giao thông công cộng được miễn thuế.

### **c. Thuế xuất nhập khẩu**

Thuế nhập khẩu của Nam Phi nhìn chung từ 0 đến 45% với một số trường hợp ngoại lệ. Nam Phi đã chuyển theo hệ thống mã thuế HS và thuế hải quan cũng như thuế nhập khẩu được tính trên cơ sở giá trị hải quan (F.O.B) đối với từng mặt hàng cụ thể. Mức áp thuế như sau:

- + 0% đối với sản phẩm và công cụ, thiết bị nông nghiệp, hàng tư liệu sản xuất, hàng hoá là nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, chế biến và lương thực thiết yếu.
- + 15% đối với các loại hàng hoá như máy bay, ô tô các loại, các thiết bị đào, xới đất, phần mềm máy tính, máy móc, thiết bị khác...
- + 40% đối với các sản phẩm tiêu thụ cao cấp, xa xỉ khác như: Tivi, máy ghi video, máy quay, xem video, đồ cổ, đồ trang sức bằng vàng bạc, đá quý...

Chi tiết tra cứu biểu thuế nhập khẩu của Nam Phi có thể xem tại website:

<http://www.sars.gov.za/Legal/Primary-Legislation/Pages/Schedules-to-the-Customs-and-Excise-Act.aspx>

### **3. Qui định về bao gói nhãn mác**

- Hàng hoá phải được đóng gói theo tiêu chuẩn xuất khẩu và đảm bảo đi biển/hàng không. - Hàng quà biếu hoặc quà kỷ niệm cũng phải chịu thuế nhập khẩu dựa trên giá trị FOB và phải được đóng gói riêng rẽ.

- Không đóng lẫn hàng đồ uống hay thực phẩm đóng hộp lẫn vào với hàng hoá khác. Nếu không sẽ làm chậm quá trình giao nhận hàng tại Hải quan cũng như cũng có thể phát sinh thêm chi phí.

- Căn cứ Đạo luật về nhãn hàng hoá (The Merchandise Marks Act, 1941 - Act No. 17 of 1941), Bộ Công thương Nam Phi ban hành quy định mới về dán nhãn “nước xuất xứ”. Theo đó, từ ngày 14/4/2007, quy định mới về dán nhãn “nước xuất xứ” (country of origin labelling) sẽ có hiệu lực. Theo quy định mới này Nam Phi sẽ không cho phép nhập khẩu hoặc lưu hành hàng hoá, bất kể hàng hoá đó được sản xuất tại Nam Phi hay không, nếu không có chỉ dẫn rõ ràng về nước xuất xứ. Quy định mới này nhằm chấm dứt gian lận về xuất xứ. Quy định này áp dụng đối với sản phẩm dệt liệt kê tại các chương từ 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60 và 63 của biểu thuế HS; các sản phẩm may mặc liệt kê tại chương 61, 62 và 65; sản phẩm giày dép và sản phẩm da liệt kê tại các chương 42, 43 và 64. Các công ty bán lẻ phải gắn nhãn trên đó chỉ rõ nước sản xuất, nước xuất xứ, chỉ dẫn địa điểm nơi các nhà sản xuất hàng dệt sử dụng vải nguyên liệu để nhuộm, in hoặc sản xuất thành phẩm, chỉ rõ nếu sản phẩm dệt đó được nhuộm, in hoặc hoàn thành tại Nam Phi; chỉ dẫn “sản xuất tại Nam Phi từ nguyên liệu nhập khẩu” nếu sản phẩm được sản xuất tại địa phương nhưng sử dụng nguyên liệu nhập khẩu. Sản phẩm cần được dán nhãn có chỉ dẫn rõ ràng “made in SA” nếu sản phẩm đó được sản xuất toàn bộ tại Nam Phi, nếu không sẽ không được coi là sản xuất tại Nam Phi. Sản phẩm phải có chỉ dẫn rõ ràng nếu sản phẩm đó được tái chế, phục hồi tại nước nào. Sản phẩm đồng thời phải tuân thủ quy định của Cục Tiêu chuẩn Nam Phi (South African Bureau of Standards) về thành phần sợi và ghi nhãn.

#### **4. Thành lập doanh nghiệp**

Tất cả các doanh nghiệp ở Nam Phi đều được quản lý và điều tiết trên cơ sở Luật Doanh nghiệp của Anh. Luật Doanh nghiệp qui định các thủ tục để mở một doanh nghiệp tư nhân hay quốc doanh. Luật Doanh nghiệp được Văn phòng Đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và doanh nghiệp áp dụng, có trụ sở tại Pretoria. Tất cả công ty cổ phần kín ở Nam Phi cũng chịu sự chi phối của Luật công ty cổ phần kín và cũng thuộc quyền quản lý của Văn phòng Đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và doanh nghiệp. Doanh nghiệp được ủy thác của các công ty ủy thác phải được Chánh án Tòa án Tối cao cho phép hoạt động với tư cách là người được ủy

thác. Hoạt động của những doanh nghiệp này sẽ là không hợp lệ trước khi có sự cho phép của Tòa án. Việc thành lập doanh nghiệp phải tuân thủ các trình tự sau:

- Đăng ký tên công ty
- Hoàn tất các biên bản ghi nhớ và điều lệ công ty
- Hoàn tất các văn bản chấp nhận kiểm toán Tên công ty phải được đăng ký với sự chấp thuận của Văn phòng, Đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và doanh nghiệp. Nên dự trữ sẵn một tên khác nếu như tên đầu tiên bị từ chối vì Văn phòng Đăng ký Quyền sở hữu Trí tuệ và Doanh nghiệp cho rằng tên đó không phù hợp. Biên bản Ghi nhớ và Điều lệ công ty cũng phải được nộp cho Văn phòng Đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và doanh nghiệp. Điều lệ công ty phải ghi rõ: • Tên công ty • Ngành nghề chính của công ty, dù cho có thể không có ngành nghề phụ nào • Số tiền vốn cổ phần điều lệ (không phải tất cả cổ phần đều được yêu cầu phát hành) Không có yêu cầu về mức vốn tối thiểu. Tuy nhiên, đối với một công ty thuộc quyền kiểm soát của một người không thường trú, nếu cơ quan thuế thấy rằng tỉ lệ giữa vốn cổ phần và vốn huy động không ngang nhau, họ sẽ không công nhận phần lợi nhuận không chịu thuế và số tiền tương tự mà công ty phải trả cho những cổ đông không thường trú. Mẫu điều lệ công ty được cung cấp sẵn và thường phù hợp với yêu cầu của công ty và thường mất 4-6 tuần để hoàn tất thủ tục với chi phí khoảng 3.000 rand (không bao gồm thuế VAT và lệ phí). Đối với một số trường hợp sẽ thuận lợi hơn nếu mua lại được một “công ty khung” có sẵn (với giá khoảng 3.500 rand, không bao gồm thuế VAT và lệ phí) cộng với chi phí cho một công ty trung gian lo về thủ tục hành chính và điều chỉnh cho phù hợp với những yêu cầu của mục đích kinh doanh mới. “Công ty khung” không có bất kỳ tài sản hoặc khoản nợ nào cũng không có quá trình kinh doanh do đó đó là một công ty “sạch” và không có lợi nhuận. Khi so sánh việc thành lập một công ty mới, thì việc mua lại một “công ty khung” tiết kiệm được thời gian và đây là một lợi thế thực tế quan trọng. Nếu một doanh nghiệp nước ngoài muốn mở chi nhánh hoặc một công ty nước ngoài tại Nam Phi, điều kiện đăng ký hoàn toàn giống như thủ tục mở một công ty trong nước. Một bản sao có chứng nhận của Điều lệ công ty (hoặc các loại giấy tờ tương đương) của công ty nước ngoài, được cơ quan ngoại giao của Nam Phi chứng nhận, hoặc trong một vài trường hợp sẽ do phòng công chứng

xác nhận, phải được nộp cho Văn phòng Đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và doanh nghiệp. Công ty nước ngoài cũng phải tuân thủ các qui định như công ty Nam Phi. Quá trình đăng ký mất từ 4 đến 6 tuần với chi phí khoảng 2500 rand (không bao gồm thuế VAT và lệ phí). Quá trình đăng ký một công ty cổ phần kín đơn giản và nhanh hơn. Việc này không đòi hỏi biên bản ghi nhớ hay điều lệ công ty, chỉ cần một loại giấy tờ pháp lý được yêu cầu là đơn xin thành lập gửi đến Văn phòng Đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và doanh nghiệp (cơ quan này quản lý các cổ phần kín). Thời gian đăng ký khoảng từ 4-6 tuần với chi phí khoảng 1.000 rand (không bao gồm thuế VAT và lệ phí). Công ty tư nhân có nhu cầu hoạt động như một công ty cổ phần kín có thể làm thủ tục chuyển đổi thành công ty tư nhân. Để đáp ứng được yêu cầu của Luật Doanh nghiệp (hoặc Luật Doanh nghiệp đối với công ty cổ phần kín, tùy theo loại hình doanh nghiệp được áp dụng. Doanh nghiệp nên đăng ký với cơ quan quản lý thuế VAT, thuế nhân công, thuế dịch vụ khu vực và địa phương, tiền thưởng cho nhân viên và quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Công ty và cá nhân cũng nên đăng ký thuế thu nhập. Giấy phép kinh doanh được yêu cầu trong một số hoạt động và thường được cơ quan cấp giấy phép tạo điều kiện thuận lợi với một số yêu cầu có liên quan. Việc thành lập một nhà máy thường yêu cầu có sự chấp thuận của nhiều cơ quan cấp Bộ của Chính phủ. Cục Phát triển Công nghiệp của Bộ Thương mại và Công nghiệp cung ứng dịch vụ tư vấn liên quan đến tất cả các lĩnh vực thành lập và mở rộng các doanh nghiệp ngành công nghiệp ở Nam Phi.

## **5. Một số điều cần lưu ý khi kinh doanh tại Nam Phi**

### **Văn hóa kinh doanh**

Nam Phi là một quốc gia nhiều dân tộc với các nền văn hóa khác nhau, vì vậy tùy theo từng nơi một số phong tục có thể khác nhưng nhìn chung người Nam Phi khá thoải mái và thân mật trong môi trường kinh doanh. Khi bắt đầu một mối quan hệ mới với đối tác nên bắt đầu nói chuyện về những thứ xung quanh họ như hỏi thăm sức khỏe, gia đình...đi thẳng vào vấn đề kinh doanh có thể bị đánh giá là người thô lỗ.

Nói chung, người Nam Phi là những người nói thẳng, và thường nói to nhưng họ lại rất biết nói cái gì, nói như thế nào và đang nói với ai. Họ biết được điều gì có thể làm người khác không cảm thấy hài lòng. Cách thức giao tiếp phụ thuộc rất nhiều vào cấp độ của mối quan hệ. Càng thân thiết, họ càng cởi mở và

thật lòng. Người Nam Phi thích các buổi trò chuyện và thường nói về rất nhiều chủ đề khác nhau, họ cũng ưa thích các môn thể thao, du lịch và thường tự hào về thành phố của mình, đây có thể là gợi ý để bắt đầu một mối quan hệ với thương nhân Nam Phi.

Đối với khoảng cách cá nhân, Nam Phi đi theo cách mà người châu Âu vẫn thường làm, nghĩa là khi nói chuyện họ thường giữ một khoảng cách nhất định. Không giống như văn hóa của người Nam Mỹ và người Ả rập, họ không ưa việc chạm vào người hay những việc làm tương tự.

Trước khi muốn gặp đối tác Nam Phi bạn nên hẹn trước. Sẽ rất khó khăn cho bạn để lên lịch những cuộc hẹn trong khoảng thời gian giữa tháng 12 và tháng 1 hay 2 tuần trước và sau ngày lễ Phục Sinh vì đây là những mùa nghỉ lễ chủ yếu trong năm. Những buổi gặp mặt ban đầu thường là để xây dựng các mối quan hệ. Hầu hết các cuộc họp được bắt đầu với những câu chuyện nhỏ và được chuyển sang chủ đề kinh doanh một cách nhanh chóng. Nếu có thể, hãy gửi cho đối tác của bạn một bản chương trình nghị sự trước cuộc gặp mặt để đối tác của bạn biết rõ những vấn đề gì mà bạn muốn giải quyết. Nếu thực hiện một bài thuyết trình, hãy nhớ làm cho nó thật rõ ràng. Những quyết định kinh doanh được đưa ra dựa trên những con số và dẫn chứng, chứ không phải cảm tính hay một thứ gì đó vô hình. Hãy đưa những biểu đồ, số liệu, dẫn chứng vào bài thuyết trình của bạn. Phần lớn các công ty dùng tiếng Anh trong giao tiếp

### **Tập quán kinh doanh**

Theo thông lệ của Nam Phi thì các lô hàng kinh doanh thường thuê một đại lý giao nhận làm các thủ tục cần thiết. Mỗi đại lý vận tải có mã số hải quan của riêng mình. Đồng thời người ta đã thiết lập nên một hệ thống liên lạc qua mạng giữa Hải quan Nam Phi và các công ty giao nhận. Điều này làm giảm thời gian làm thủ tục hải quan giảm xuống còn tối đa 4 ngày làm việc kể từ ngày có đầy đủ chứng từ.

- Khi thuê đại lý hãng tàu hoặc đại lý giao nhận thực hiện các thủ tục nhập khẩu hàng thì cần chú ý thỏa thuận rõ ràng về cước phí tàu biển/máy bay, chi phí bốc dỡ hàng khỏi tàu/máy bay, chi phí làm thủ tục Hải quan, chi phí lưu kho lưu bãi tại kho hải quan và kho của đại lý, chi phí vận chuyển nội địa, chi phí bốc xếp hàng vào kho của mình. Nếu có được Tổng chi phí (Total all - in Charge) là tốt nhất.

- Cần phải yêu cầu hãng giao nhận cung cấp cho mình Giấy dự kiến giao hàng để ràng buộc trách nhiệm của họ đối với lô hàng. Đã có trường hợp xảy ra

với một số công ty Việt Nam khi sang bên Nam Phi không quy định rõ ràng về chi phí vận chuyển và gặp phải tranh chấp không cần thiết. Hãng giao nhận luôn giữ hàng cho đến khi được thanh toán hết số tiền chi phí vận chuyển và đó là một lợi thế của họ. Do đó càng thoả thuận cụ thể bao nhiêu trước khi gửi hàng càng đỡ xảy ra khả năng tranh chấp về vận tải bấy nhiêu.

- Hoá đơn Thương mại và Danh sách hàng phải được lập bằng tiếng Anh.

- Các chi tiết về hàng hoá phải được mô tả đầy đủ. Tránh việc chỉ nêu tên và nhãn hiệu không thôi. Ví dụ đối với máy móc thì phải ghi thêm một số chi tiết cơ bản về công suất, năm sản xuất,.. Trong từng danh mục một, kể cả quà biếu và tờ rơi, sách quảng cáo công ty,.. cần phải cung cấp giá FOB của số hàng hoá đó bằng USD trên Hoá đơn Thương mại và Danh sách hàng. Không ghi câu “No commercial value” trong hai chứng từ trên.

- Nếu là hàng triển lãm thì cần phải giải rõ câu sau: “The invoiced goods are of...(country)...origin and are intended for display purpose only at the exhibition site in...(place)..., South Africa”. Trong mọi trường hợp đều phải giải rõ xuất xứ hàng hoá để hải quan lưu trữ dữ liệu.

- Đối với hàng đồ gỗ cần phải giải rõ thông tin là dùng trên sàn hay để treo tường và chất liệu của sản phẩm.

- Cung cấp đầy đủ số liệu cơ bản cho từng kiện hàng nếu trọng lượng và khối lượng không giống nhau.

- Hoá đơn Thương mại và Danh sách hàng phải được gửi đến đại lý vận tải biển ít nhất là trước 7 ngày hàng tới cảng/sân bay. Điều này đảm bảo việc giao nhận được đúng thời điểm cần thiết.